Bài 11: ăn, ân

Thứ Hai: : Ôn Bài

(Ôn lại các nguyên âm cho các em.)

a	***ă***	***â***
e	***ê***	***i***
o	***ô***	***ơ***
u	***ư***	***y***

(Ôn lại các vần sau.)

an	***ăn***	***ân***	***en***	***ên***
in	***on***	***ôn***	***ơn***	***un***

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

ăn

ăn	căn	chăn	khăn	lăn	nhăn	trăn
ắn	bắn	cắn	chắn	gắn	hắn	rắn
ằn	dằn	giằn	hằn	lằn	mằn	trằn
ẳn	hẳn	khẳn	lẳn	mẳn	nhẳn	
ẵn	chẵn	đẵn	nhẵn	sẵn		
ặn	cặn	chặn	dặn	lặn	mặn	nặn

ân

ân	cân	chân	dân	gân	thân	sân
ấn	cấn	dấn	giấn	khấn	lấn	nhấn
ần	bần	cần	chần	dần	đần	gần
ẩn	bẩn	cẩn	chẩn	khẩn	lẩn	thẩn
ẫn	dẫn	lẫn	nhẫn	phẫn	thẫn	vẫn
ận	bận	cận	chận	giận	hận	rận

Tập Viết

(Cho các em viết những từ sau đây.)

rắn

chăn

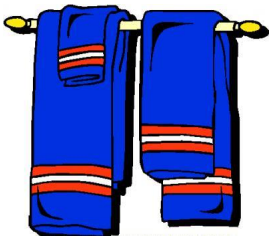

khăn

lân

phấn

bẩn

Thứ Ba: Tập Đọc
(Cho các em đọc những câu sau đây.)

Rắn.
Đi coi rắn.
Đi coi rắn trong sở thú.
Văn đi coi rắn trong sở thú.
Văn rủ Lân đi coi rắn trong sở thú.

Chăn.
Gấp chăn.
Vân gấp chăn.
Vân gấp chăn gọn gàng.
Khi ngủ dậy, Vân gấp chăn gọn gàng.

Khăn.
Mẹ mua khăn.
Mẹ mua một cặp khăn.
Mẹ mua một cặp khăn màu xanh.

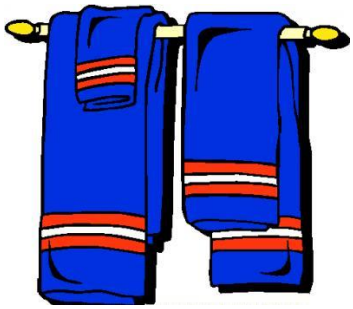

Lân.
Múa lân.
Tân xem múa lân.
Tân thích xem múa lân.
Tân rất thích xem múa lân.

Phấn.
Lấy phấn.
Mẫn lấy phấn.
Thầy nhờ Mẫn lấy phấn.
Thầy nhờ Mẫn lấy phấn giùm thầy.

Bẩn.
Làm bẩn quần áo.
Chớ làm bẩn quần áo.
Mẹ dặn chớ làm bẩn quần áo.
Mẹ dặn em chớ làm bẩn quần áo.

Thứ Tư: Thêm Dấu
(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Khi ngu dây, Vân gâp chăn gon gang.

Thây nhơ Mân lây phân gium thây.

Me dăn em chơ lam bân quân ao.

Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Ráp Câu

(Sắp xếp lại những từ sau đây và viết lại thành một câu có ý nghĩa. Nhớ cách viết hoa và chấm câu.)

Tân ***thích xem*** ***rất*** ***múa*** ***lân***

Thứ Năm: Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Em Có Thể Giúp

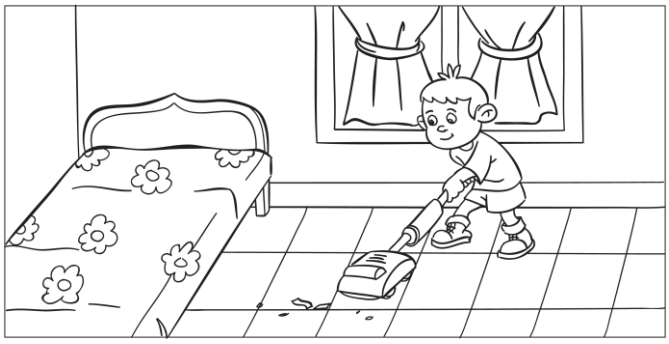

– Em có thể giúp hút bụi không?
– Dạ, được.

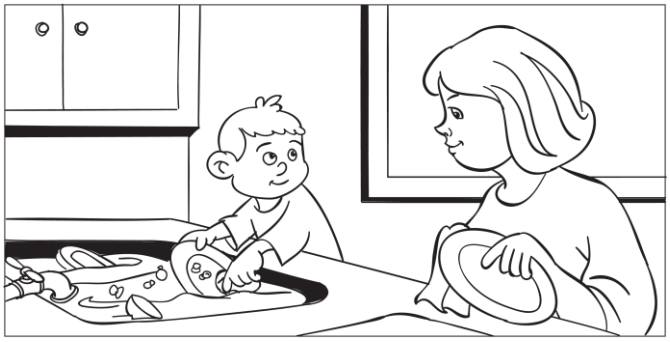

– Em có thể giúp rửa chén không?
– Dạ, được.

– Em có thể giúp nhổ cỏ không?
– Dạ, được.

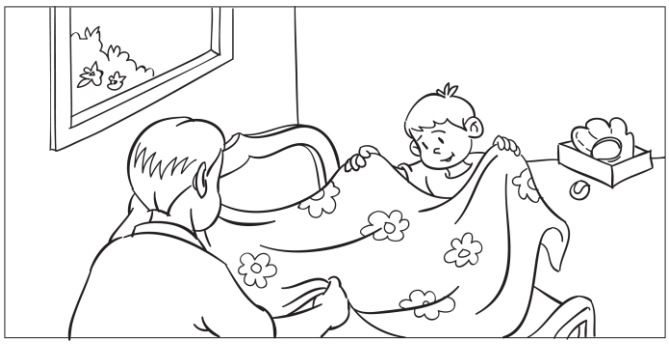

– Em có thể giúp trải khăn giường không?
– Dạ, được.

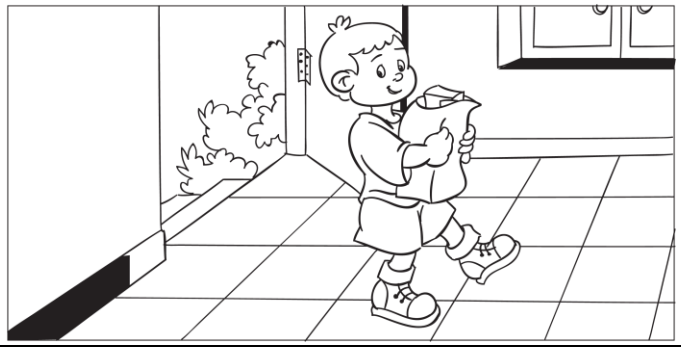

— Em có thể giúp mang đồ ăn vào không?
— Dạ, được.

— Em có thể giúp tắm cho chó không?
— Dạ, được.

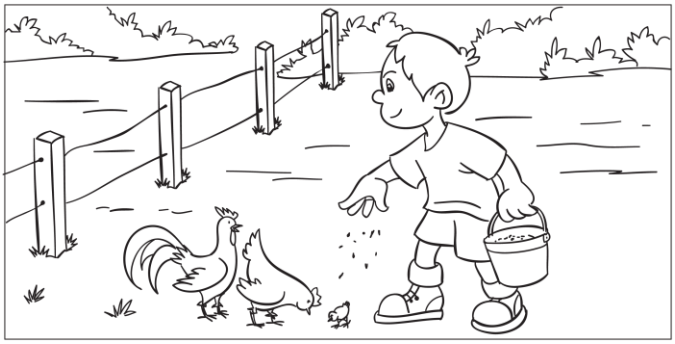

— Em có thể giúp cho gà ăn không?
— Dạ, được.

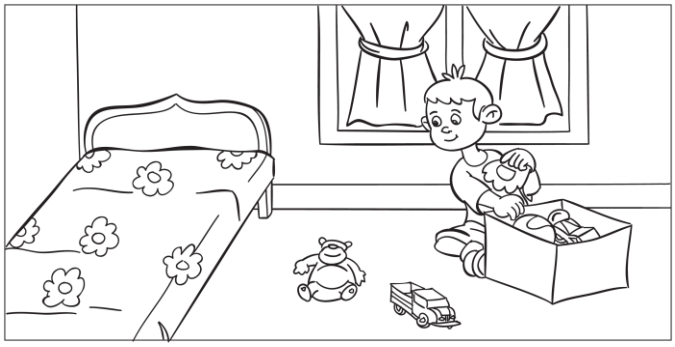

— Em có thể giúp thu dọn phòng em không?

Trả Lời Câu Hỏi

(Giúp các em trả lời những câu hỏi sau đây.)

1. Em dùng gì để hút bụi?
   a. Bàn chải.
   b. Chổi.
   c. Máy hút bụi.

2. Em trai trong truyện có thể giúp làm gì?
   a. Giặt quần áo.
   b. Nhổ cỏ.
   c. Quét nhà.

3. Tại sao em nên giúp bố mẹ?
   a. Bố mẹ cho em quà.
   b. Em thích rửa chén.
   c. Em thương bố mẹ.

4. Em trai trong truyện có nên giúp thu dọn phòng không?
   a. Có, vì phòng dơ quá.
   b. Không, vì em muốn coi ti-vi.
   c. Không, vì em muốn ra ngoài chơi.

Ngữ Vựng

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em nghe. Sau đó, dựa trên những hình ảnh, đặt câu hỏi cho các em trả lời. Thí dụ: *Cái này là cái gì? Con này là con gì? v.v.*)

cục phấn

cái bảng

chồng sách

cây bút

cục tẩy

cây thước

Thứ Sáu: Từ Thông Dụng

(Cho các em viết và học thuộc lòng những từ thông dụng sau đây.)

(Cho các em đọc các câu sau đây 3 lần.)

Em đi ngủ sớm.

Mẹ mua cho em một tô phở.

Em thích ăn phở.

Chị lấy đồ chơi cho em.

Bảng Từ Thông Dụng

(Cho các em đọc những từ sau đây. Đánh dấu vào những từ các em có thể đọc được.)

a	*ă*	*â*	*b*	*c*	*ch*	*d*	*đ*
	ăn		*bé* *bị* *bố* *bà* *bạn*	*có* *con* *cái* *các* *cô*	*cho* *chị* *chợ*	*dùng*	*đi* *để*
e	*ê*	*g*	*gh*	*gi*	*h*	*i*	*k*
em				*giúp*			
kh	*l*	*m*	*n*	*ng*	*ngh*	*nh*	*o*
khi	*làm* *là* *lấy*	*mẹ* *màu* *mua* *một*		*ngủ*	*nghe*	*nhà*	
ô	*ơ*	*ph*	*qu*	*r*	*s*	*t*	*th*
	ở			*rất* *ra*			*thích*
tr	*u*	*ư*	*v*	*x*	*y*		
			và *về*				

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____